

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ -ST

Ngày: 11 - 8 - 2025

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Công Đạt**

2. Ông **Y Mưng Niê**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuỷ** - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà **Bạch Mai Anh Thi** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Chí Ng**, sinh năm 1945. Có mặt.

Địa chỉ: Buôn C, xã C, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà **Trương Thị X**, sinh năm 1950. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, xã P, tỉnh Đắk Lắk.

(vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày đề ngày 30/5/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Chí Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Chí Ng** và bà **Trương Thị X** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985 trên cơ sở tự nguyện nhưng không làm thủ tục

đăng ký kết hôn. Ông Ng và bà X chung sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, lối sống và quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp, ngày càng trái ngược nhau, giữa hai người có sự khác biệt. Ông Lê Chí Ng và bà Trương Thị X hiện đã sống ly thân. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân tôi không còn tình cảm yêu thương và không muốn chung sống với bà X nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Lê Chí Ng được ly hôn bà Trương Thị X.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Lê Chí Ng và bà Trương Thị X có 04 (bốn) con chung là Lê Quốc V, sinh ngày 20/10/1985; Lê Ánh H, sinh ngày 26/5/1987; Lê Thị Ng, sinh ngày 02/01/1992 và Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 07/9/1993. Hiện nay, các con chung của chúng tôi đều đã trưởng thành nên ông Lê Chí Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Chí Ng và bà Trương Thị X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành, tổng đạt và niêm yết hợp lệ nhiều lần, đầy đủ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Trương Thị X, mặc dù bà Trương Thị X đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà X vẫn không đến Tòa án làm việc lần nào và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Lê Chí Ng được ly hôn với bà Trương Thị X. Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên các bên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Ông Lê Chí Ng thuộc trường hợp được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Chí Ng khởi kiện xin ly hôn với bà Trương Thị X nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hôn nhân và gia đình, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn ông Lê Chí Ng và bà Trương Thị X chung sống với nhau từ năm 1985, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của ông Ng và bà X là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nguyên đơn ông Lê Chí Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Trương Thị X với lý do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông Lê Chí Ng và bà Trương Thị X đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, hai bên tình cảm không còn và không còn quan tâm tới nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân tại tổ dân phố nơi ông Lê Chí Ng và bà Trương Thị X sinh sống. Do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Chí Ng, cho ông Lê Chí Ng được ly hôn với bà Trương Thị X là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: ông Lê Chí Ng và bà Trương Thị X có 04 (bốn) con chung là Lê Quốc V, sinh ngày 20/10/1985; Lê Ánh H, sinh ngày 26/5/1987; Lê Thị Ng, sinh ngày 02/01/1992 và Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 07/9/1993. Hiện nay, các con chung đều đã trưởng thành nên ông Lê Chí Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Lê Chí Ng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Lê Chí Ng và người cao tuổi và người có công với cách mạng nên miễn toàn bộ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Chí Ng

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Chí Ng được ly hôn với bà Trương Thị X

2. Về con chung: ông Lê Chí Ng và bà Trương Thị X có 04 (bốn) con chung là Lê Quốc V, sinh ngày 20/10/1985; Lê Ánh H, sinh ngày 26/5/1987; Lê Thị Ng, sinh ngày 02/01/1992 và Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 07/9/1993. Hiện nay,

các con chung đều đã trưởng thành nên ông Lê Chí Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên không đề cấp giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Chí Ng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do ông Lê Chí Ng và người cao tuổi và người có công với cách mạng nên miễn toàn bộ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 8 – Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Pong Drang;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Văn Chính

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Công Đạt

Y Mung Niê

Trương Văn Chính